TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2020/QĐST-DS	*Thanh Trì, ngày 28 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 348, 351, 355, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về "mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 28/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng";

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH Một thành viên tài chính T**

Địa chỉ: Phòng 4-5, Tầng 12 Saigon Centre Tòa 2, số 67 đường Lê Lợi, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Norimasa Ishikawa, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo quyền: ông Nguyễn Hữu Toản, chức vụ: Nhân viên Phòng thu nợ.

(văn bản ủy quyền ngày 12/12/2019)

Bị đơn: ông **Nguyễn Hồng H** sinh năm 1978

Và vợ là bà **Trần Thị T** sinh năm 1987

Cùng trú tại: Số 43, Ngõ 26, Đội 3, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trần Thị T, xác nhận còn nợ Công ty TNHH Một thành viên tài chính T (gọi tắt là Công ty tài chính T) tổng số tiền (tính đến ngày 20/02/2020) là **821.173.076đ** (*tám trăm hai mốt triệu, một trăm bảy ba nghìn không trăm bảy sáu đồng*) bao gồm 559.066.664đ nợ gốc; 134.700.409đ nợ

lãi trong hạn; 127.406.003đ nợ lãi quá hạn phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 100011585 ngày 02/02/2016.

2. Các bên thống nhất phương thức, thời gian thanh toán cụ thể như sau:

+ Chậm nhất, đến hết ngày 30/4/2020, ông H và bà T sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ tiền **821.173.076đ** (*tám trăm hai mốt triệu, một trăm bảy ba nghìn không trăm bảy sáu đồng*) bao gồm 559.066.664đ nợ gốc; 134.700.409đ nợ lãi trong hạn; 127.406.003đ nợ lãi quá hạn, cùng số tiền lãi phát sinh từ ngày 21/02/2020 đến ngày thanh toán (lãi suất tính theo quy định trong Hợp đồng tín dụng số 100011585 ngày 02/02/2016).

+ Trường hợp ông H, bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông H, bà T sẽ tự nguyện bàn giao chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Hilux BKS 29H-004.40 (Giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Hồng H) cho Công ty TNHH Một thành viên tài chính T để thanh toán khoản vay nêu trên. Nếu ông H, bà T không tự nguyện bàn giao thì Công ty TNHH Một thành viên tài chính T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản là chiếc xe ô tô nêu trên để thanh toán khoản vay.

+ Nếu giá trị xe ô tô không đủ để thanh toán nợ thì ông H, bà T phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán nốt khoản nợ gốc còn lại và khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 100011585 ngày 02/02/2016.

3. Về án phí: ông Nguyễn Hồng H và bà Trần Thị T phải nộp tổng cộng 18.317.500 đồng *(mười tám triệu ba trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng)* án phí DSST. Công ty TNHH Một thành viên tài chính T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên tài chính T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.000.000 đồng tại biên lai thu số AA/2017/06396 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKDND huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Bùi Anh Tuấn